

KU  
BUP  
PT XH, VFC, V  
29/6/11

Trần C. Hưng - GB B-  
29/6/11 VP  
hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5259** /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày **22** tháng 6 năm 2011

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	
TP. ĐÀ NẴNG	
Số: 5259/QĐ	Phê duyệt
Ngày: 29.6.2011	Chương trình Bảo vệ trẻ em thành phố Đà Nẵng
giai đoạn 2011 - 2015	
Chuyên: .....	

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình Bảo vệ trẻ em thành phố Đà Nẵng  
giai đoạn 2011 - 2015**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
 Căn cứ Quyết định 267/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015;  
 Căn cứ công văn số 637/LĐ-TBXH-BVCSTE ngày 9 tháng 3 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng kế hoạch triển khai Quyết định số 267/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;  
 Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Điều 1.** Phê duyệt Chương trình Bảo vệ trẻ em thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015, ban hành kèm theo Quyết định này.
- Điều 2.** Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện.
- Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Tư pháp, Giám đốc Công an thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Cục BVCSTE, Bộ LĐTBXH (b/c);
- Thành ủy, HĐND TP (b/c);
- CT, các PCT UBND TP (b/c);
- UBND TP QVNTP;
- Các sở, ngành, hội, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- Lưu: VTLT, VX, KTTH.

**CHỦ TỊCH**



*Trần Văn Minh*

**Trần Văn Minh**

# PHẦN I

## TỔNG QUAN VỀ TRẺ EM VÀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2001-2010

### **I. Bối cảnh kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến trẻ em và công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Năm 1997 thành phố Đà Nẵng được tách từ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, có diện tích tự nhiên 1.256,54km<sup>2</sup>, chiếm 0,39% diện tích của cả nước, thành phố có 8 đơn vị hành chính, bao gồm 6 quận và 2 huyện là Hoà Vang và huyện đảo Hoàng Sa; với 56 xã, phường, trong đó có 04 xã miền núi và 10 xã, phường ven sông, biển. Dân số thành phố Đà Nẵng đến năm 2009 có 887.070 người, chiếm tỷ lệ 1,03% dân số cả nước.

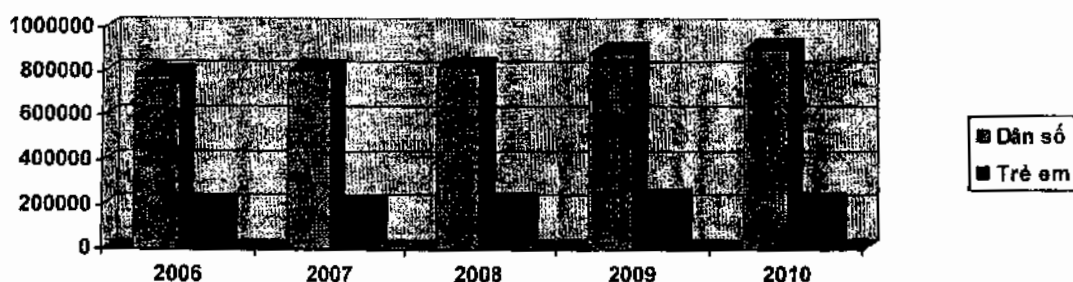
Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng phát triển ổn định trên nhiều lĩnh vực kinh tế, hạ tầng đô thị thành phố không ngừng đầu tư phát triển theo hướng hiện đại. Tổng sản phẩm xã hội (GDP) thành phố vẫn giữ tốc độ tăng trưởng trên 11%/năm. Thành phố triển khai nhiều chương trình hướng đến mục tiêu phát triển bền vững: xoá đói, giảm nghèo, xây dựng Nhà tình nghĩa, Nhà tình thương, các chương trình thành phố “5 không”, “3 có”... Số lao động được giải quyết việc làm tăng bình quân hàng năm là 4,6%/năm, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị ở dưới mức 5%. Tỷ lệ hộ thoát nghèo giảm từ 4-5%/năm, trong 10 năm thành phố đã 3 lần điều chỉnh nâng mức chuẩn nghèo. Các hoạt động giáo dục, văn hoá xã hội, các chương trình an sinh xã hội được tập trung chỉ đạo, đầu tư, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đã tác động tích cực đến công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em (gọi tắt BVCSTE), tạo điều kiện cho trẻ em nói chung và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng được phát triển một cách toàn diện về thể chất và tinh thần.

### **II. Tình hình trẻ em của địa phương**

#### **1. Tình hình dân số trẻ em**

Theo số liệu thống kê, đến năm 2009 dân số thành phố Đà Nẵng là 887.070 người, trong đó trẻ em dưới 16 tuổi 214.033 em, chiếm tỷ lệ 24,1% so với dân số, chia ra khu vực thành thị là 180.322 em, chiếm tỷ lệ 84,2% và khu vực nông thôn là 33.711 em, chiếm tỷ lệ 15,8%.

Biểu đồ 1: Dân số và dân số trẻ em 2006 – 2010



## 2. Tình hình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Tính đến cuối năm 2010, theo số liệu báo cáo của các địa phương, toàn thành phố có 2.104 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật BVCS&GDTE, hơn 1.000 trẻ em có hoàn cảnh đặc thù khác như trẻ em bị tai nạn thương tích, trẻ em trong các gia đình ly hôn... Trẻ em ngày càng được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục tốt hơn ở cả 3 môi trường: gia đình - nhà trường - xã hội. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển, mặt trái nền kinh tế thị trường nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp và trẻ em là đối tượng chịu ảnh hưởng. Tình trạng ngược đãi, xâm hại, bạo lực, bóc lột, buôn bán, sao nhãng trẻ em và trẻ em vi phạm pháp luật vẫn diễn biến phức tạp, tính chất nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Bảng 1: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt các năm 2006-2008-2010

T T	Nội dung	2006			2008			2010		
		Tổng số	Được chăm sóc	Chưa chăm sóc	Tổng số	Được chăm sóc	Chưa chăm sóc	Tổng số	Được chăm sóc	Chưa chăm sóc
1	TE mồ côi không nơi nương tựa	43	43	0	59	59	0	87	87	0
2	TE khuyết tật	1.923	1.874	49	1.903	1.834	69	1.769	1.715	54
3	TE bị ảnh hưởng CDIH	123	123	0	259	259	0	97	97	0
4	TE bị nhiễm HIV/AIDS	19	19	0	4	4	0	2	2	0
5	TE phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm	62	62	0	23	23	0	0	0	0
6	TE lang thang	61	61	0	28	28	0	0	0	0
7	TE phải làm việc xa gia đình	3	3	0	0	0	0	1	1	0

8	TE bị xâm hại tình dục	3	3	0	5	5	0	4	4	0
9	TE nghiện ma túy	0	0	0	3	3	0	0	0	0
10	TE làm trái pháp luật	263	258	5	325	325	0	144	144	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.500</b>	<b>2.446</b>	<b>54</b>	<b>2.609</b>	<b>2.540</b>	<b>69</b>	<b>2.104</b>	<b>2.050</b>	<b>54</b>

### III. Thực trạng công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em

#### 1. Công tác chỉ đạo và điều hành

Từ khi Luật BVCS&GDTE được ban hành và có hiệu lực, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được các cấp, các ngành địa phương quan tâm rõ rệt, các quyền của trẻ em đã từng bước được thể chế hoá trong hệ thống pháp luật, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Các kế hoạch, chương trình vì trẻ em đã được ban hành kịp thời và tổ chức triển khai thực hiện từ thành phố đến cơ sở và đã có sự tác động tích cực đến sự thay đổi nhận thức của các tầng lớp nhân dân đối với công tác BVCS&GDTE. Các chính sách về BVCS&GDTE như lao động, dạy nghề, chỉnh hình, phục hồi chức năng, khám chữa bệnh cho trẻ em, đặc biệt là chương trình hỗ trợ chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt... đã góp phần giải quyết kịp thời về lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em và lĩnh vực phòng ngừa, ngăn chặn tệ nạn xã hội tác động tiêu cực đến trẻ em.

#### *1.1. Chương trình hành động Vì trẻ em thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2001 - 2010*

Được ban hành tại Chỉ thị số 10/2001/CT-UB ngày 17/5/2001 của UBND thành phố Đà Nẵng về thực hiện Chương trình hành động Vì trẻ em thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2001 – 2010; với mục tiêu tổng quát là tạo mọi điều kiện tốt nhất về y tế, giáo dục, nước sạch vệ sinh môi trường, vui chơi, giải trí nhằm đáp ứng các nhu cầu và các quyền cơ bản của trẻ em xây dựng môi trường an toàn và lành mạnh để trẻ em thành phố Đà Nẵng có cơ hội được phát triển một cách toàn diện, với 5 mục tiêu cụ thể: Chăm sóc sức khoẻ dinh dưỡng cho trẻ em; chăm lo đời sống văn hoá tinh thần cho trẻ em; nước sạch, vệ sinh môi trường; bảo vệ chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và chăm lo giáo dục cho trẻ em.

#### *1.2. Chương trình Ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2005-2010*

Được ban hành tại Quyết định số 21/2005/QĐ-UB ngày 14 tháng 02 năm 2005 của UBND thành phố, với mục tiêu tổng quát là nâng cao nhận thức và hành động của toàn xã hội trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, ngăn ngừa, giảm dần và tiến tới giảm cơ bản vào năm 2010 số lượng trẻ em lang thang kiếm

sống, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm, tạo điều kiện để những trẻ em này được bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và phát triển toàn diện về mọi mặt, có cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

### *1.3. Chương trình trợ giúp trẻ em khuyết tật thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2009-2011*

Được ban hành tại Kế hoạch số 1998/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2009 của UBND thành phố Đà Nẵng về trợ giúp trẻ em khuyết tật thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2009 – 2011, với mục tiêu chung là nâng cao nhận thức, năng lực của các cấp chính quyền, tổ chức, đoàn thể và toàn xã hội trong thực hiện quyền của trẻ em khuyết tật. Thực hiện hỗ trợ về cơ chế, chính sách, y tế, giáo dục, dạy nghề và việc làm, nâng cao tỷ lệ trẻ em khuyết tật được hỗ trợ chăm sóc, từng bước cải thiện đời sống của trẻ em khuyết tật, tạo điều kiện cho các em được tham gia bình đẳng vào hoạt động xã hội, hoà nhập cộng đồng.

### *1.4. Chương trình giúp đỡ trẻ em hư, trẻ em bỏ học và thiếu niên hư vi phạm pháp luật*

Được ban hành tại Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 10/8/2009 của Thành uỷ Đà Nẵng về tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt nghèo, học sinh bỏ học và thiếu niên hư, vi phạm pháp luật trên địa bàn thành phố, với mục tiêu phân công các ngành, đoàn thể, địa phương vận động số trẻ em hư, trẻ em bỏ học và thiếu niên hư tiếp tục đến lớp, đi học tại các trường TCCN, các Trung tâm GDTX, GDTX-HN, KTTH-HN và đi học nghề tạo việc làm để ổn định cuộc sống hòa nhập cộng đồng.

### *1.5. Các chương trình khác*

Chương trình chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; chương trình thực hiện Quyết định số 65/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Chăm sóc trẻ mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em tàn tật nặng, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học và trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS dựa và cộng đồng giai đoạn 2005 – 2010”; QĐ 62/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 1408/CT-TTg ngày 01/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 84/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS...

Tất cả các chương trình, kế hoạch đã được các các ngành, đoàn thể và UBND các địa phương xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào các chương trình kinh tế xã hội tại đơn vị, địa phương mình triển khai thực hiện nhằm từng bước đưa Luật BVCS&GDTE vào thực tiễn đời sống xã hội.

## **2. Tổ chức cán bộ và kinh phí**

+ Công tác cán bộ:

Thực hiện chủ trương về sắp xếp tổ chức bộ máy, năm 2002 hợp nhất Ủy

ban BVCSTE với Ủy ban KKHGD thành Ủy ban DSGĐ&TE và đến năm 2008 giải thể Ủy ban DSGĐ&TE, công tác quản lý nhà nước về BVCSTE được chuyển về ngành lao động - thương binh và xã hội. Hệ thống cán bộ từ thành phố đến xã, phường, thôn tổ có sự thay đổi, số người đảm nhiệm công việc này qua các năm đều giảm xuống cụ thể:

Từ Ủy ban BVCSTE (cấp thành phố : 10 cán bộ; cấp quận, huyện: 18 cán bộ/6 quận, huyện; cấp xã, phường 47 cán bộ/47 xã, phường);

Ủy ban DSGĐ&TE (cấp thành phố : 05 cán bộ; cấp quận, huyện: 13 cán bộ/7 quận, huyện; cấp xã, phường 56 cán bộ/56 xã, phường và gần 900 cộng tác viên thôn, tổ);

Ngành lao động - thương binh và xã hội (cấp thành phố : 03 cán bộ; cấp quận, huyện: 10 cán bộ/7 quận, huyện ; cấp xã, phường 56 cán bộ/56 xã, phường ); đặc biệt đội ngũ cộng tác viên tại thôn, tổ không còn.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ cấp xã, phường kiêm nhiệm quá nhiều việc, thường xuyên thay đổi, đa số chưa qua trường lớp được đào tạo, do vậy công tác tham mưu triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn.

+ Nguồn kinh phí: Bên cạnh sự đầu tư từ ngân sách nhà nước có sự tham gia rộng rãi của toàn xã hội và sự đóng góp của các tổ chức quốc tế. Kết quả, nguồn lực tài chính thực hiện 5 mục tiêu của Chương trình HĐVTE giai đoạn 2001-2010 là 199,042 tỷ đồng, trong đó ngân sách trung ương 81,4 tỷ đồng, ngân sách địa phương 28,882 tỷ đồng và nguồn vận động khác là 88,76 tỷ đồng. Trong đó, chi cho việc thực hiện các chương trình, đề án thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội là hơn 35,8 tỷ đồng.

### **3. Kết quả thực hiện công tác bảo vệ trẻ em 2001-2010**

#### **3.1. Chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng cho trẻ em**

Việc nâng cao kiến thức về phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em và công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho bà mẹ và trẻ em được thường xuyên thực hiện, hàng năm có gần 100 lượt cán bộ y tế cấp thành phố, quận, huyện, xã, phường được tập huấn; sản xuất và phân phối hơn 100.000 tờ rơi tuyên truyền, 30 cụm pano về phòng chống suy dinh dưỡng (gọi tắt SDD); thông qua cơ quan thông tin báo đài phát sóng định kỳ chuyên mục về giáo dục sức khỏe trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng, Đài Truyền thanh quận, huyện; đã đăng 256 tin bài về nội dung phòng chống SDD trẻ em trên các tạp chí Sức khỏe cho mọi nhà, bản tin Sức khỏe cộng đồng, bản tin Y dược.

Công tác khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi đang được triển khai thực hiện có hiệu quả. Từ năm 2005-2010, toàn thành phố có 128.307 trẻ em được cấp thẻ khám chữa bệnh miễn phí. Trung bình mỗi năm có hơn 200 trẻ em trong gia đình nghèo, khó khăn mắc các bệnh hiểm nghèo như bệnh tim bẩm sinh, bệnh về máu, dị tật xương khớp, bệnh về mắt... được điều trị miễn phí, các dịch vụ y tế cao không phải trả tiền.

Chương trình tiêm chủng mở rộng được thực hiện trên phạm vi toàn thành phố với các loại vắc xin lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, bại liệt, viêm não Nhật Bản, viêm gan B. Qua 10 năm triển khai Chiến lược quốc gia dinh dưỡng, trẻ em có triệu chứng thiếu Vitamin A (quáng gà, khô mắt, loét giác mạc) rất ít gặp trong tất cả các cuộc điều tra hàng năm. Các bệnh thiếu máu, rối loạn nội tiết do thiếu i-ốt cũng được phát hiện, điều trị. Việc triển khai thực hiện chiến dịch ngày vi chất dinh dưỡng và cho trẻ uống vitamin liều cao, các chiến dịch ngày toàn dân dùng muối i-ốt được thực hiện đều đặn và rộng khắp.

Chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng trẻ em đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Tỷ lệ SDD của trẻ em dưới 5 tuổi năm 2001 là 15,9% giảm xuống còn 7,8% năm 2010; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 4,00‰, dưới 5 tuổi là 4,77‰ vào năm 2010. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đạt 100%, trẻ em từ 6 - 36 tháng tuổi được uống vitamin A đạt tỷ lệ 99,99% vào năm 2010.

Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản cho bà mẹ thông qua các chương trình Dân số/KHHGD được chú trọng tiến hành thường xuyên. Tỷ lệ bà mẹ mang thai được khám thai đủ 3 lần đạt 96,9% (2001), tăng lên 97,9% (2010). Tỷ lệ phụ nữ có thai tiêm phòng uốn ván đủ 2 mũi duy trì 100% năm 2010.

### **3.2. Nước sạch và vệ sinh môi trường**

Bằng nguồn vốn của Chương trình mục tiêu, thành phố đã thực hiện đầu tư xây dựng 17 công trình cấp nước tập trung và công trình cấp nước phân tán là 15 giếng cộng đồng, ngoài ra đã cải tạo xây dựng 49 công trình cho trường học, nhà trẻ, mẫu giáo. Hỗ trợ kinh phí hơn 3,6 tỷ đồng để lắp đặt mới công trình nước sạch và công trình vệ sinh cho các hộ nghèo thuộc các quận, huyện Thanh Khê, Hải Châu và Hoà Vang. Năm 2010 tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sạch chỉ đạt 92,16% so với KH, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng hố xí hợp vệ sinh chỉ đạt 88,8% so với mục tiêu Chương trình đề ra.

### **3.3. Chăm lo giáo dục cho trẻ em**

Tỉ lệ huy động đi nhà trẻ tăng bình quân hàng năm 15%. Số lượng học sinh mẫu giáo tăng bình quân hàng năm 10%. Tỉ lệ huy động học sinh mẫu giáo so với dân số độ tuổi 3-5 tuổi tăng từ 60% lên 68%. Tỉ lệ học sinh vào tiểu học đã qua học lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt trên 97% so với dân số độ tuổi. Tỉ lệ đi học tiểu học đạt 99,9% so với dân số độ tuổi 6-10, trong đó học sinh đi học đúng độ tuổi đạt 97%. Tỉ lệ 6 tuổi vào lớp 1 hàng năm đạt tỉ lệ 100%. Tỉ lệ đi học THCS đạt 99% so với dân số độ tuổi 11-14, trong đó học sinh đi học đúng độ tuổi đạt 95%. Tỉ lệ đi học THPT đạt 80% so với dân số độ tuổi 15-17, trong đó học sinh đi học đúng độ tuổi đạt 91%. Tỉ lệ đi học TCCN đạt 10% so với dân số độ tuổi 15-17. Trong số học sinh TCCN, có 15% học sinh của thành phố Đà Nẵng. Tỉ lệ học sinh phổ thông/1 vạn dân năm 2001 là 2014 học sinh, năm 2007 là 1894 học sinh/1 vạn dân.

Số trường đạt chuẩn quốc gia của các cấp học, ngành học là: mầm non 19 trường đạt tỉ lệ 16,8%, tiểu học: 59 trường đạt tỉ lệ 59%, THCS: 10 trường đạt tỉ



lệ 20,0%, THPT: 2 trường đạt tỉ lệ 10%.

Thành phố đã hoàn thiện việc quy hoạch mạng lưới trường học cho tất cả các ngành học, bậc học, cấp học đến năm 2010; đề án Xây dựng trường trọng điểm; đề án Kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012; đề án Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2008-2010.

### **3.4. Chăm lo đời sống văn hoá tinh thần, vui chơi giải trí cho trẻ em**

Hệ thống các cơ sở vui chơi giải trí cho trẻ em nhà thiếu nhi, trung tâm văn hoá vui chơi quận, huyện, thư viện, phòng đọc, rạp chiếu phim... được quan tâm đầu tư xây dựng. Hiện nay trên toàn địa bàn thành phố Đà Nẵng có 40/56 xã, phường (71,4%) có khu vui chơi giải trí dành cho trẻ em.

Nhân Tháng hành động vì trẻ em và hoạt động hè hàng năm, Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng tổ chức các đợt phim miễn phí; Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Đình tổ chức các chương trình biểu diễn múa rối phục vụ 747 buổi chiếu cho hơn 197.835 lượt thanh thiếu niên, học sinh trên toàn địa bàn thành phố; Bảo tàng Đà Nẵng phục vụ miễn phí cho tập thể học sinh các trường trên địa bàn thành phố khi có nhu cầu tham quan Bảo tàng Chăm.

Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố thường xuyên tổ chức các tủ sách lưu động phục vụ cho các em học sinh ở các trường tiểu học, trung học cơ sở; bổ sung các đầu sách báo thiếu nhi cho các phòng đọc cơ sở, với trị giá hàng chục triệu đồng mỗi năm. Tổ chức luân chuyển sách báo về các tủ sách cơ sở, Trung tâm Dạy nghề 05-06, trẻ em Làng Hy Vọng... Xây dựng và đưa vào sử dụng phòng đọc dành riêng cho thiếu nhi tại 33 Trần Phú với tổng số lượng sách đến nay là 15.055 bản và 7 loại báo, tạp chí; các quận, huyện cũng đã hình thành 10 thư viện cơ sở, tất cả các thư viện ở cơ sở đều có phòng đọc sách dành cho trẻ em.

### **3.5. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**

Để thực hiện mục tiêu “Phần đầu số trẻ em được khai sinh trước 5 tuổi đạt 90% vào năm 2005 và 98% vào năm 2010”, thành phố Đà Nẵng đã triển khai thực hiện nhiều hoạt động như tổ chức các chiến dịch trợ giúp pháp lý thường xuyên tại xã, phường, tại địa bàn dân cư để đảm bảo quyền đăng ký khai sinh cho mọi trẻ em. Đến nay, hơn 99,8% trẻ em được làm giấy khai sinh đúng hạn.

Đã có hơn 25.530 lượt trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, thông qua các chương trình như trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng, chương trình chăm sóc trẻ em tại các cơ sở bảo trợ xã hội, chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục, trẻ em lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm, với hơn 39 tỷ đồng; Thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TU của Thành uỷ, từ 1.520 học sinh bỏ học, đã vận động ra lớp, đi học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề, đến nay số học sinh bỏ học còn lại 93 em...; 100% trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc, giúp đỡ từ chính sách của nhà nước, cộng đồng và các tổ chức quốc tế; 97,2% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc



bằng nhiều hình thức; 96,9% trẻ em khuyết tật/tàn tật được chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình và các trung tâm bảo trợ xã hội.

Bên cạnh đó, Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp, các dự án hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, vận động từ các tổ chức phi chính phủ (HOLT, AOG, SEAR, VNAH, EMW, CHILDREN OF VIETNAM, HANDS OF HOPE, FAMI...), đã hỗ trợ cho hơn 50.000 lượt trẻ em con hộ nghèo, TECHCDB được thụ hưởng các chương trình như khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em nghèo, chỉnh hình phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe, y tế cho trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, hỗ trợ trẻ em mổ tim, phẫu thuật mắt, học bổng... với tổng kinh phí gần 30 tỷ đồng.

#### **4. Những hạn chế trong công tác bảo vệ trẻ em**

##### **a) Thực hiện quyền và các mục tiêu vì trẻ em**

Một số mục tiêu về nước sạch, vệ sinh môi trường, sử dụng hố xí hợp vệ sinh; xây dựng điểm vui chơi giải trí dành cho trẻ em cấp xã, phường, xây dựng các công trình văn hoá thể thao chưa đạt kế hoạch chương trình đề ra đã có những ảnh hưởng nhất định đến môi trường sống của trẻ em, đặc biệt là trẻ em vùng nông thôn, vấn đề vui chơi giải trí cho trẻ em cũng hạn chế hơn so với trẻ em vùng thành thị.

Công tác quản lý nhà nước về BVCSTE, sự quan tâm đầu tư kinh phí cho lĩnh vực BVCSTE của ngân sách nhà nước còn hạn chế; sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể trong việc thực hiện các chương trình, kế hoạch BVCSTE chưa chặt chẽ; cán bộ chuyên trách kiêm nhiệm, không có đội ngũ cộng tác viên tại địa bàn dân cư... với nhiều yếu tố không thuận lợi như trên đã làm hạn chế công tác quản lý nhà nước về BVCSTE.

##### **b) Bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**

Mỗi năm trên địa bàn thành phố, xảy ra 4 – 5 vụ xâm hại tình dục trẻ em và có gần 200 trẻ em làm trái pháp luật. So với địa bàn cả nước con số này không nhiều, tuy nhiên nó không giảm dần qua các năm mà có xu hướng gia tăng và tính chất ngày càng phức tạp.

#### **5. Nguyên nhân của những hạn chế**

##### **a) Nhận thức về tầm quan trọng của công tác BVCSTE chưa đầy đủ**

Nhận thức về trách nhiệm của một bộ phận gia đình đối với việc BVCSTE còn thiếu nghiêm túc, còn trông chờ, ỷ lại vào các cấp chính quyền. Một số địa phương chưa quan tâm đến công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, việc ngược đãi, xâm hại, bạo lực đối với trẻ em chưa được cộng đồng chủ động phát hiện sớm và báo cho các cơ quan chức năng xử lý, can thiệp kịp thời. Sự nguy hại nhiều mặt và hậu quả lâu dài, nghiêm trọng của các hành vi xâm hại tình dục, bạo lực đối với trẻ em chưa được cảnh báo đúng mức. Hầu hết trẻ em chưa có nhiều kỹ năng để tự bảo vệ mình.

b) Ngân sách nhà nước đầu tư cho lĩnh vực BVCSTE còn hạn chế, đặc biệt đầu tư cho hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực trẻ chưa đáp ứng đủ nhiệm vụ chi hàng năm; đối với cấp xã, phường đến nay chưa có nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động này.

c) Về quản lý nhà nước

*Về hệ thống tổ chức và cán bộ:* Hệ thống cán bộ từ thành phố đến xã, phường, thôn, tổ có sự thay đổi từ khi có chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước của Chính phủ, số người đảm nhiệm công việc giảm xuống, đặc biệt đội ngũ cộng tác viên tại thôn, tổ không còn. Đội ngũ cán bộ cấp xã, phường kiêm nhiệm quá nhiều việc, đa số chưa được đào tạo bài bản, thiếu tính chuyên nghiệp trong các hoạt động phát hiện, can thiệp, trợ giúp TECHCDB, trẻ em bị tổn thương.

*Về cơ chế phối hợp hoạt động:* Việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, tổ chức chưa hiệu quả... Cụ thể như việc phối hợp trong xây dựng kế hoạch, bố trí dự án đầu tư còn có sự chông chéo, lúng túng giữa các ngành chức năng và ngành chủ quản, giữa quản lý nhà nước và hoạt động sự nghiệp, dịch vụ, giữa Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác; sự phối hợp giữa 3 ngành: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế, giáo dục và đào tạo chưa thực sự chặt chẽ.

Việc phân loại, quản lý và theo dõi các nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào HCDB chưa khoa học, thông tin thiếu chính xác và chưa được cập nhật  ~~kịp thời~~. Việc phát hiện sớm, can thiệp và trợ giúp các trường hợp trẻ em bị bạo lực, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em vi phạm pháp luật chưa kịp thời.

## 6. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tế chỉ đạo, triển khai thực hiện các Chương trình, kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc trẻ em của thành phố Đà Nẵng trong những năm qua, đã rút ra những bài học kinh nghiệm như sau:

Một là: Phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ thành phố đến cơ sở như quán triệt đầy đủ, sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về công tác BVCSTE; có nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch cụ thể hàng năm; đồng thời có kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chương trình mục tiêu Vì trẻ em.

Hai là: Công tác quản lý nhà nước về BVCSTE phải được chú trọng đến số lượng và chất lượng của tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác BVCSTE các cấp nhằm thực thi có hiệu quả các nhiệm vụ tham mưu, chỉ đạo, phối hợp triển khai kịp thời các nhiệm vụ chính trị trong lĩnh vực BVCSTE; đặc biệt, đưa việc quản lý các số liệu trẻ em vào phần mềm quản lý.

Ba là: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trên phạm vi rộng về các nội dung liên quan đến việc thực hiện thành công các chương trình BVCSTE.

Bốn là: Cần xây dựng bộ chỉ số thống nhất về BVCSTE và cơ chế phối hợp trong việc thực hiện các chương trình, mục tiêu mang tính liên ngành như Chương trình hành động vì trẻ em.

Năm là: Phải coi trọng công tác thu thập thông tin, kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên và định kỳ nhằm đánh giá và dự báo chính xác các vấn đề liên quan đến BVCSTE.

Sáu là: Đầu tư kinh phí cho lĩnh vực BVCSTE từ nguồn ngân sách Nhà nước mới bền vững và có hiệu quả lâu dài.

## **Phần II**

### **MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ CHĂM SÓC TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2011 – 2015**

#### **I. Mục tiêu của Chương trình**

##### **1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ em. Chủ động phòng ngừa, loại bỏ các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm thiểu tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực. Trợ giúp, phục hồi kịp thời cho trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực, tạo cơ hội để các em được tái hoà nhập cộng đồng và bình đẳng về cơ hội phát triển mọi mặt, có cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (TECHCĐB) xuống dưới 1% so với tổng số trẻ em trên địa bàn thành phố;
- 100% trẻ em được phát hiện có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được tư vấn, can thiệp để giảm thiểu, loại bỏ nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt;
- 80-90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, tái hòa nhập và có cơ hội phát triển;
- Đến năm 2015 thành lập 03 Văn phòng tư vấn cấp quận, huyện;
- Tạo mọi cơ hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được phát triển bình đẳng, được hưởng các chính sách trợ giúp bảo trợ xã hội;
- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm công tác xã hội trẻ em nhằm tư vấn, tham vấn và kết nối cung cấp các dịch vụ trợ giúp bảo vệ trẻ em.

## **II. Đối tượng, phạm vi và thời gian thực hiện**

### **1. Đối tượng chính**

- Tất cả trẻ em dưới 16 tuổi, ưu tiên nhóm trẻ em có nguy cơ cao (trong đó có trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em nhập cư ở các đô thị); nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; nhóm trẻ em bị tổn thương (bị ngược đãi, bạo lực, tai nạn thương tích). Đối với nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt có thể mở rộng đến 18 tuổi;

- Người chăm sóc và gia đình có trẻ em có nguy cơ cao, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị tổn thương;

- Các cộng đồng có nguy cơ cao (thôn, tổ dân phố nghèo, xóm chài, xóm bãi rác, khu dân cư có nhiều người nhiễm HIV/AIDS, nghiện ma túy, cờ bạc, nghiện rượu, trộm cắp...)

### **2. Phạm vi**

Chương trình được triển khai thực hiện trên địa bàn toàn thành phố, ưu tiên địa phương có nhiều TECHCDB và trẻ em có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

**3. Thời gian thực hiện :** Chương trình thực hiện từ năm 2011 đến năm 2015.

## **III. Nội dung của Chương trình**

### **1. Đề án Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội (Đề án 1)**

a) Mục tiêu : Phấn đấu đến năm 2013, có 70% gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội và trẻ em được nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về bảo vệ trẻ em và nâng lên 95% vào năm 2015.

b) Phạm vi thực hiện Đề án: Thực hiện trên phạm vi toàn thành phố; ưu tiên vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; các địa phương có nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

c) Nội dung hoạt động:

- *Tổ chức các chiến dịch truyền thông.*

Hàng năm tổ chức các chiến dịch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, duy trì các chuyên mục, diễn đàn vì trẻ em và tổ chức các sự kiện nhân dịp các ngày lễ, tết của trẻ em như Tổ chức lễ phát động tháng hành động vì trẻ em, Đêm hội trăng rằm... nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm thay đổi nhận thức và hành vi của toàn xã hội đối với công tác BVCSTE.

- *Sản xuất và nhân bản các ấn phẩm truyền thông :* Panô, áp phích, tờ rơi hỏi đáp về Luật BVCSTE và các chính sách cho liên quan bảo vệ, chăm sóc trẻ em để tuyên truyền nhằm thay đổi hành vi của gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội.

- *Tổ chức các hoạt động truyền thông, trực tiếp tại cộng đồng, trường học:*

Tổ chức các hoạt động truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, trường học về bảo vệ trẻ em có sự tham gia của cộng đồng, các thành viên gia đình, giáo viên và trẻ em thông qua các hoạt động như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, truyền thông nhóm, tư vấn cộng đồng, sinh hoạt ngoại khoá, sinh hoạt Câu lạc bộ trẻ em nông thôn...

Tổ chức các buổi tư vấn nhóm, tuyên truyền tại các cụm dân cư, các khu vực trọng điểm về các biện pháp ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục, trẻ em lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm...

d) Kinh phí thực hiện Đề án: 4.150 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 500 triệu đồng; ngân sách thành phố: 3.150 triệu đồng và vận động khác 500 triệu đồng.

đ) Cơ quan thực hiện Đề án: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

## **2. Đề án nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCSTE, cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác BVCSTE (Đề án 2)**

a) Mục tiêu: Phân đầu đến năm 2013, có 100% cán bộ làm công tác BVCSTE cấp thành phố, quận, huyện, xã, phường được đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực về quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án về BVCSTE; 40% cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác BVCSTE ở thôn, tổ dân phố được nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em và nâng lên 70% vào năm 2015.

b) Phạm vi thực hiện Đề án: Thực hiện trên phạm vi toàn thành phố.

c) Nội dung hoạt động:

- Điều tra khảo sát nhu cầu đào tạo tập huấn của cán bộ làm công tác BVCSTE các cấp, đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác BVCSTE ở thôn, tổ dân phố;

- Thành lập đội ngũ cộng tác viên BVCSTE tại địa bàn dân cư, trung bình từ 2-3 tổ dân phố có 01 cộng tác viên;

- Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng về kỹ năng quản lý, tiếp cận và tham mưu triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án về BVCSTE, Bồi dưỡng các kỹ năng cơ bản làm việc với trẻ em cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCSTE cấp quận, huyện, xã, phường, đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác BVCSTE ở địa bàn dân cư;

- Lồng ghép vào chương trình đào tạo của đề án nghề công tác xã hội phối hợp với các chương trình đào tạo đại học ngành công tác xã hội để đào tạo và tập huấn cho các cán bộ chuyên trách trẻ em về ngành công tác xã hội;

- Kiểm tra và đánh giá kết quả tập huấn, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em ở các cấp, đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác BVCSTE ở địa bàn dân cư.

d) Kinh phí thực hiện đề án: 6 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 1,5 tỷ đồng; ngân sách thành phố 4,5 tỷ đồng.

đ) Cơ quan thực hiện Đề án: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

### **3. Đề án xây dựng và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em (Đề án 3)**

a) Mục tiêu:

- Giai đoạn (2011-2013): Phân đầu thành lập 2 văn phòng tư vấn cấp quận, huyện; đến năm 2015 thành lập thêm 1 văn phòng tư vấn cấp quận.

- Thành lập Ban chỉ đạo, Ban điều hành và nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp thành phố, cấp quận huyện.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm công tác xã hội trẻ em.

b) Phạm vi thực hiện Đề án: Giai đoạn 2011-2013 chọn quận Sơn Trà và huyện Hòa Vang. Giai đoạn 2014-2015 chọn quận Liên Chiểu là địa phương có nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh đặc biệt để thành lập văn phòng tư vấn.

c) Nội dung hoạt động:

+ Thành lập các ban điều hành:

- Cấp thành phố: Thành lập Ban chỉ đạo; nhóm công tác liên ngành gồm các ngành (Lao động -TB&XH, Công an, Giáo dục, Y tế, Tư pháp, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ...);

- Cấp quận, huyện: Thành lập Ban chỉ đạo; nhóm công tác liên ngành và 3 quận, huyện được chọn thành lập Văn phòng tư vấn;

- Cấp xã, phường: Thành lập nhóm công tác liên ngành; Điểm công tác xã hội cấp xã, phường (ở cộng đồng, trường học, bệnh viện...); mạng lưới cộng tác viên thôn, tổ dân phố; nhóm trẻ em nòng cốt...

+ Tổ chức các hoạt động:

- Tổ chức thực hiện các loại hình dịch vụ bảo vệ trẻ em như: Văn phòng tư vấn, điểm tư vấn cộng đồng, trường học, bệnh viện; duy trì tốt hoạt động của Trung tâm công tác xã hội trẻ em;

- Tổ chức các hoạt động cung cấp và kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em như: bảo đảm sự an toàn cho trẻ em; tư vấn, tham vấn, trị liệu phục hồi tâm lý, thể chất trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực; trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực tiếp cận với

các dịch vụ giáo dục, y tế, các phúc lợi xã hội khác khi có nhu cầu; trợ giúp các em và gia đình các em cũng như cộng đồng loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ dẫn đến bị ngược đãi, xâm hại, bóc lột, bạo lực, sao nhãng và rơi vào hoàn cảnh đặc biệt;

- Trợ giúp nâng cao năng lực cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em, cộng đồng về bảo vệ trẻ em, kỹ năng làm cha mẹ; nâng cao kỹ năng tự bảo vệ của trẻ em.

d) Kinh phí thực hiện đề án: 12.050 tỷ đồng, cụ thể :

Trung ương là 7,5 tỷ đồng; Ngân sách thành phố hỗ trợ 3,550 tỷ đồng và vận động khác 1 tỷ đồng.

đ) Cơ quan thực hiện Đề án: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Công an thành phố, Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

#### **4. Đề án xây dựng và nhân rộng các mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng (Đề án 4)**

a) Mục tiêu: Phần đầu có 80% trẻ em khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chỉnh hình và phục hồi chức năng, giáo dục và các dịch vụ công cộng; 100% trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa được chăm sóc; giảm số trẻ em bị xâm hại tình dục, bị bạo lực; 100% trẻ em được phát hiện bị xâm hại tình dục, trẻ em bị bạo lực được can thiệp, trợ giúp; 100% trẻ em lang thang có hộ khẩu tại Đà Nẵng được trợ giúp ổn định cuộc sống, hàng năm giảm từ 15-20% trẻ em lang thang kiếm sống trên địa bàn thành phố; hạn chế đến mức tối đa số trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; hàng năm giảm khoảng 20% người chưa thành niên vi phạm pháp luật so với năm trước.

b) Phạm vi thực hiện Đề án: Lựa chọn quận, huyện, xã, phường phù hợp với từng mô hình bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại địa phương để thực hiện đề án.

c) Nội dung hoạt động (gồm 03 mô hình):

- *Mô hình thứ 1*: Trợ giúp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng.

+ Nội dung hoạt động:

- Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng cần thiết để hòa nhập cộng đồng cho trẻ em khuyết tật;

- Tổ chức các lớp hướng nghiệp dạy nghề cho trẻ em khuyết tật còn khả năng lao động và có nhu cầu học nghề phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương; hỗ trợ các trẻ em đã qua học nghề tự tạo việc làm phù hợp hoặc hỗ trợ



các doanh nghiệp nhận và sử dụng lao động khi các em đã thành nghề và đến tuổi lao động;

- Duy trì, nhân rộng các điểm phục hồi chức năng tại cộng đồng, tại các trung tâm phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật về vận động;

- Hỗ trợ TEKT phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng;

- Phối hợp cùng ngành giáo dục và đào tạo trong việc chăm sóc, hỗ trợ học tập cho TEKT tại các lớp giáo dục hòa nhập, giáo dục chuyên biệt; triển khai mô hình gia đình chăm sóc thay thế cho trẻ em bị bỏ rơi, TEMC không nơi nương tựa, TEKT (nhận con nuôi, nhận nuôi dưỡng, nhận đỡ đầu);

- Tổ chức các hoạt động tư vấn, tham vấn trợ giúp trẻ em về đời sống lúc khó khăn, trợ giúp về y tế, giáo dục và tiếp cận các phúc lợi xã hội khác dành cho trẻ em;

- Tổ chức tập huấn cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em những kiến thức cần thiết trước khi nhận nuôi trẻ em mồ côi, khuyết tật...

+ Địa bàn thực hiện: Quận Cẩm Lệ và huyện Hoà Vang. Mỗi quận, huyện lựa chọn 3 xã, phường có nhiều trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật.

+ Kinh phí thực hiện mô hình: 3,75 tỷ đồng, ngân sách Trung ương 3 tỷ, ngân sách thành phố 750 triệu đồng.

- *Mô hình thứ 2:* Duy trì và nhân rộng mô hình phòng ngừa, trợ giúp trẻ em lang thang, trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại dựa vào cộng đồng.

+ Nội dung hoạt động:

- Tổ chức các lớp đào tạo về các kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng tự bảo vệ mình và các bạn khỏi bị ngược đãi, xâm hại và bóc lột, kỹ năng tham gia các hoạt động xã hội ở cộng đồng cho trẻ em lang thang (TELT), trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại và nhóm có nguy cơ cao;

- Tổ chức các hoạt động tư vấn, tham vấn tại gia đình để vận động TELT về nhà;

- Trợ giúp trẻ em về đời sống lúc khó khăn, trợ giúp trẻ em về nhà, trợ giúp tiếp cận giáo dục đối với trẻ bỏ học hoặc có nguy cơ bỏ học, trợ giúp tiếp cận với các dịch vụ y tế khi cần thiết;

- Tổ chức các lớp hướng nghiệp, học nghề và trợ giúp các em tự tạo việc làm khi đến tuổi lao động và tiếp cận các phúc lợi xã hội khác dành cho trẻ em;

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nhận và sử dụng lao động khi các em đã thành nghề và đến tuổi lao động;

- Triển khai các hoạt động phục hồi tâm lý và thể chất cho TELT, trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; kết nối các dịch vụ bảo vệ trẻ em khi cần thiết; trợ giúp gia đình chăm sóc thay thế khi trợ giúp lần đầu khi mới nhận trẻ và trợ giúp hàng tháng khi chưa nhận được chính sách trợ cấp chính thức của nhà nước;

- Tổ chức các hoạt động trợ giúp gia đình, người chăm sóc trẻ TELT, trẻ em làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại về kiến thức, kỹ năng, tay nghề, ổn định sinh kế, tăng thu nhập với điều kiện cam kết không để trẻ em đi lang thang, phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại, đi giúp việc các gia đình khác và tạo điều kiện cho các em đến trường;

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, Hội LHPNVN, Đoàn TNCSHCM, Hội Nông dân trong việc hỗ trợ gia đình có trẻ em lang thang, trẻ em phải lao động nặng nhọc và nhóm có nguy cơ cao được vay vốn để phát triển kinh tế gia đình;

- Phối hợp với ngành Công an quản lý nhóm TELT, trẻ em phải làm việc nặng nhọc nhập cư; hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng ngược đãi, bạo lực, xâm hại tình dục và bóc lột trẻ em.

+ Địa bàn thực hiện: Quận Hải Châu và Ngũ Hành Sơn. Mỗi quận lựa chọn 2 phường có nhiều trẻ em lang thang, trẻ em lao động nặng nhọc, tiếp xúc với chất độc hại, nguy hiểm và nhóm có nguy cơ cao rơi vào 2 đối tượng trên.

+ Kinh phí thực hiện: 3,5 tỷ đồng, ngân sách Trung ương 2,5 tỷ đồng, ngân sách thành phố 1 tỷ đồng.

- *Mô hình thứ 3:* Phòng ngừa, trợ giúp người chưa thành niên vi phạm pháp luật dựa vào cộng đồng.

+ Nội dung hoạt động:

- Tổ chức các hoạt động trị liệu tâm lý và phục hồi sức khỏe cho người chưa thành niên (NCTN) vi phạm pháp luật;

- Trợ giúp các em trong quá trình trị liệu phục hồi tâm lý và phục hồi sức khỏe; xây dựng các câu lạc bộ trợ giúp NCTN vi phạm pháp luật, các điểm trợ giúp NCTN vi phạm pháp luật;

- Tổ chức mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên đã được đào tạo, nhiệt tình làm nòng cốt cho chiến dịch trợ giúp trẻ em vi phạm pháp luật, thông qua đó giáo dục vận động các em tái hòa nhập cộng đồng; tổ chức các lớp đào tạo về các kiến thức, kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng tự bảo vệ mình cho NCTN vi phạm pháp luật;

- Tổ chức các lớp hướng nghiệp, học nghề cho NCTN vi phạm pháp luật khi các em đã hoàn thành việc giáo dục tập trung và các em được giáo dục tại cộng đồng;

- Hỗ trợ các em tự tạo việc làm bằng cách trợ cấp vốn cho các em hoặc gia đình, giúp các em tiêu thụ sản phẩm nếu có điều kiện để các em có sinh kế ổn định;

- Hỗ trợ các em và các doanh nghiệp nhận và sử dụng lao động khi các em đã thành nghề và đến tuổi lao động giúp các em có việc làm và thu nhập ổn định; tổ chức tập huấn cho cha mẹ, người có trách nhiệm nuôi dưỡng trẻ, thầy cô giáo, các tình nguyện viên, cộng tác viên, trẻ em đã có hành vi vi phạm pháp luật.

+ Địa bàn thực hiện: Quận Sơn Trà và Thanh Khê. Mỗi quận chọn 2 phường có nhiều người chưa thành niên vi phạm pháp luật.

+ Kinh phí thực hiện: 3,2 tỷ đồng, ngân sách trung ương 2 tỷ đồng, ngân sách thành phố 1 tỷ, vận động khác 200 triệu.

d) Kinh phí Đề án: 10,45 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách trung ương: 7,5 tỷ đồng; ngân sách thành phố 2,750 tỷ đồng, vận động khác 200 triệu.

đ) Cơ quan thực hiện Đề án:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện được chọn thực hiện các mô hình thứ nhất và mô hình thứ hai;

- Công an thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện được chọn thực hiện mô hình thứ ba.

## **5. Đề án nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Đề án 5)**

a) Mục tiêu: Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung theo hướng thân thiện với trẻ em, tăng cường tính phòng ngừa, bảo vệ trẻ em một cách toàn diện. Triển khai thực hiện tốt cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của Trung ương làm cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Công ước quốc tế về quyền trẻ em.

b) Phạm vi thực hiện Đề án: Thực hiện trên phạm vi toàn thành phố.

c) Nội dung hoạt động:

- Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em để đề xuất sửa đổi, bổ sung, gồm: Đánh giá tổng quan về tình hình thực hiện Luật BVCSGD trẻ em;

- Tổ chức rà soát hệ thống luật pháp liên quan đến BVCSGD trẻ em từ đó tìm ra những bất cập đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với địa phương;

- Triển khai thực hiện đạt kết quả cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, gồm: Bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện các bộ chỉ số đánh giá, giám sát thực hiện quyền trẻ em và bộ chỉ số chuyên ngành BVTE phù hợp với địa phương phục vụ quản lý theo hướng mở, thiết thực;

- Xây dựng và thực hiện quản lý số liệu trẻ em bằng phần mềm;

- Tổ chức thu thập thông tin, đánh giá kết quả công tác BVCSTE theo hệ thống chỉ số đánh giá, giám sát thực hiện quyền trẻ em do trung ương ban hành, thu thập thông tin từ các Sở, ngành qua hệ thống thông tin chuyên ngành Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan khác;

- Tổ chức khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu ban đầu;

- Tổ chức đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ; tổ chức các đợt kiểm tra nhằm hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách trong việc thu thập, cập nhật thông tin vào sổ ghi chép ban đầu, điền thông tin vào phiếu đánh giá nguy cơ, lập và hoàn chỉnh báo cáo; nâng cao năng lực thẩm định và xác minh thông tin, số liệu.

c) Kinh phí thực hiện Đề án: 2,8 tỷ đồng, ngân sách Trung ương 1 tỷ đồng, Ngân sách thành phố 1,5 tỷ đồng, vận động khác 300 triệu đồng.

d) Cơ quan thực hiện Đề án:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Cục Thống kê, Công an thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Viện kiểm sát nhân dân thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan khác và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

#### **IV. Kinh phí thực hiện Chương trình:**

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình là **35,45 tỷ đồng**, bao gồm: Ngân sách trung ương bố trí là 18 tỷ đồng; ngân sách thành phố là 15,450 tỷ đồng; vận động khác là 2 tỷ đồng.

Hàng năm, trên cơ sở tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, các sở, ngành, đoàn thể và UBND các địa phương xây dựng kế hoạch hoạt động và kinh phí thực hiện cụ thể báo cáo tài chính cùng cấp thẩm định, báo cáo UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện.

*( Có bản dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện kèm theo)*

#### **V. Giải pháp**

##### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện mục tiêu**

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền trong việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em thông qua các văn bản chỉ đạo, điều hành; phê duyệt chương trình, kế hoạch, nguồn lực, nhân lực; đưa

mục tiêu bảo vệ, chăm sóc trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương; xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả công tác BVCSTE;

- Xây dựng và thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em ở xã, phường với những biện pháp cụ thể, các mục tiêu thiết thực và khả thi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển toàn diện của trẻ em, can thiệp sớm đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

- Xây dựng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ trẻ em, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội ảnh hưởng đến trẻ em và gia đình. Nâng cao nhận thức, kỹ năng cho người dân trong việc bảo vệ trẻ em và kỹ năng sống cho trẻ em;

- Củng cố và kiện toàn bộ máy cán bộ làm công tác trẻ em ở cơ sở.

## **2. Truyền thông, vận động xã hội**

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền phổ biến giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng. Phát huy vai trò và sự tham gia của trẻ em trong công tác truyền thông, vận động xã hội về BVCSTE;

- Phát triển chương trình truyền thông về BVCSTE trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Hệ thống hoá nội dung và các thông điệp, các sản phẩm truyền thông về BVCSTE nói chung và bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng.

## **3. Huy động nguồn lực**

Đẩy mạnh phương thức vận động nguồn lực: Tăng kinh phí đầu tư cho công tác BVCSTE từ ngân sách nhà nước của Trung ương, thành phố và vận động các tổ chức kinh tế xã hội, cá nhân trong và ngoài nước; các tổ chức phi chính phủ; lồng ghép nội dung BVCSTE vào các chương trình kinh tế - xã hội của địa phương;

## **4. Tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn**

- Tăng cường các mô hình bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại cộng đồng;

- Xây dựng hoàn thiện các chỉ số về BVCSTE phục vụ công tác quản lý nhà nước về BVCSTE;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ chương trình công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

## **5. Nâng cao chất lượng hiệu quả việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại các Trung tâm, lồng ghép các chương trình chăm sóc, bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với các chương trình kinh tế - xã hội tại địa phương như chương trình giảm nghèo dạy nghề tạo việc làm, và các hoạt động trợ giúp xã hội, các chính sách bảo trợ xã hội trợ giúp các em sớm hòa nhập cộng đồng.**

## VI. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở Tư pháp, Công an, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và các cơ quan, tổ chức có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã phường xây dựng kế hoạch và điều phối các hoạt động của Chương trình; chủ trì thực hiện các nội dung hoạt động được phân công trong Chương trình; phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các quyền của trẻ em và các mục tiêu của Chương trình; tham mưu thành lập Ban chỉ đạo và tổ công tác liên ngành BVCSTE; tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình báo cáo UBND thành phố, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

2. Sở Tư pháp tăng cường hướng dẫn, kiểm tra đối với hoạt động trợ giúp pháp lý cho trẻ em; phối hợp cùng các ngành, đoàn thể địa phương làm tốt công tác hòa giải nhằm hạn chế tình trạng ly hôn và chỉ đạo các cơ quan thi hành án thực hiện nghiêm túc các bản án có hiệu lực pháp luật liên quan đến trẻ em, đặc biệt bảo vệ quyền lợi trẻ em sau ly hôn; tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác con nuôi, nhằm bảo đảm tính nhân đạo của hoạt động này, tránh lợi dụng để mua bán trẻ em. Bảo đảm việc giới thiệu, giải quyết cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường học trên địa bàn thành phố xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, ~~không có bạo lực~~; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, chú trọng việc rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho học sinh trong nhà trường; đưa nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ chăm sóc trẻ em vào chương trình giáo dục pháp luật trong hệ thống giáo dục phổ thông; tổ chức thực hiện việc giải quyết ngăn ngừa tình trạng trẻ em bỏ học theo tinh thần Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 10/8/2009 của Thành ủy Đà Nẵng.

4. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tăng cường thanh tra, kiểm tra và quản lý chặt chẽ các sản phẩm văn hóa, dịch vụ vui chơi, giải trí dành cho trẻ em.

5. Sở Y tế tổ chức thực hiện chính sách khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em của hộ gia đình nghèo; phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật; triển khai thực hiện Kế hoạch hành động Vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và Kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em.

6. Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ và chăm sóc trẻ em; lên án các hành vi vi phạm quyền trẻ em, nêu gương người tốt, việc tốt trong công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động về thông tin, báo chí, xuất bản, thông tin trên Internet dành cho trẻ

em và liên quan đến trẻ em; xử lý nghiêm những hành vi xuất bản các ấn phẩm, sản phẩm thông tin dành cho trẻ em có nội dung đồi trụy, kích động bạo lực.

7. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND các quận, huyện chỉ đạo các xã, phường bố trí ổn định cán bộ chuyên trách công tác BVCSTE; hướng dẫn nghiên cứu lồng ghép đội ngũ cộng tác viên BVCSTE vào đội ngũ cộng tác viên công tác DS-KHHGD.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị vận động các nguồn hỗ trợ ODA, NGO cho các chương trình, dự án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tham mưu đề xuất UBND thành phố lồng ghép các mục tiêu về BVCSTE vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của thành phố Đà Nẵng.

9. Sở Tài chính bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình.

10. Công an thành phố lồng ghép việc triển khai thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em với Chương trình đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên giai đoạn 2011-2015; với Kế hoạch quản lý, giúp đỡ và phòng ngừa nguy cơ thiếu niên vi phạm pháp luật, thiếu niên hư giai đoạn 2009 - 2015 của thành phố; chỉ đạo, hướng dẫn Công an các quận, huyện tăng cường công tác quản lý và kiểm tra tình hình trẻ em tạm cư, phát hiện và xử lý nghiêm các loại tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên; chủ trì quản lý và tổ chức thực hiện mô hình thứ ba của đề án 2 trong Chương trình theo quy định hiện hành.

11. Đài Phát thanh-Truyền hình Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng và các cơ quan thông tấn báo chí khác tăng thời lượng phát sóng, đăng tải nhiều tin, bài về công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em.

12. Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, hàng năm xây dựng kế hoạch về bảo vệ chăm sóc trẻ em; lồng ghép việc thực hiện Chương trình này với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác có liên quan trên địa bàn; đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ BVCSTE; xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực để thực hiện Chương trình; hình thành Ban điều hành và tổ công tác liên ngành cấp quận, huyện; chỉ đạo UBND xã, phường thành lập Ban điều hành cấp xã, phường; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình tại địa phương; thực hiện chế độ báo cáo hàng năm theo quy định.

13. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên, trong phạm vi chức năng của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện chương trình, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về BVCSTE; vận động hội viên tích cực tham gia và giám sát các hoạt động BVCSTE.



## V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Yêu cầu các sở, ngành, đoàn thể và UBND các quận, huyện theo nhiệm vụ, được phân công định kỳ 6 tháng (vào ngày 15 tháng 6), năm (vào ngày 15 tháng 12) báo cáo kết quả thực hiện Chương trình và kế hoạch bảo vệ chăm sóc trẻ em về cơ quan thường trực Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo UBND thành phố và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội .

Trên đây là chương trình hành động bảo vệ chăm sóc trẻ em trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015; các ngành, đoàn thể và các địa phương căn cứ triển khai thực hiện./.

 **HỦ TỊCH**  
*Trần Văn Minh*  
**Trần Văn Minh**

**Bảng 1**  
**Nhu cầu kinh phí của Chương trình phân theo đề án và nguồn**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Đề án	Tổng kinh phí	Trung ương	Thành phố	Vận động quốc tế
<b>1</b>	<b>Đề án 1</b>  - Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động Vì trẻ em hàng năm và ngày hội tuổi thơ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt  - Chuyên mục Vì trẻ em trên sóng Đài truyền hình  - Tổ chức hoạt động 1/6  - Tổ chức hoạt động nhân dịp Tết trung thu  - Hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm  - Sản xuất các ấn phẩm truyền thông  - Tổ chức tư vấn tại cộng đồng, trường học  - Tổ chức hội thi, hội thảo, giao lưu, sinh hoạt ngoại khoá	4.150	500	3.150	500
		700	200	350	150
		120	120	0	0
		1.010	0	910	100
		1.010	0	910	100
		711	36	525	150
		40	40	0	0
		503	48	455	0
		56	56	0	0
		<b>6.000</b>	<b>1.500</b>	<b>4.500</b>	<b>0</b>
<b>2</b>	<b>Đề án 2</b>  - Thành lập đội ngũ CTV BVCSTE thôn, tổ và hỗ trợ thù lao cho CTV hằng tháng  - Khảo sát nhu cầu tập huấn của địa phương  - Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng cho CB làm công tác BVCSTE.  - Đánh giá sau đào tạo tập huấn	4.500	0	4.500	0
		100	100	0	0
		1.200	1.200	0	0
		200	200	0	0

<b>3</b>	<b>Đề án 3</b>	<b>12.050</b>	<b>7.500</b>	<b>3.550</b>	<b>1.000</b>
	- Thành lập BCD, nhóm công tác liên ngành cấp thành phố	250	150	100	0
	- Thành lập BCD, nhóm công tác liên ngành cấp quận, huyện	275	175	100	0
	- Thành lập 01 VPTV cấp quận, huyện	3.050	1.000	2.050	0
	- Thành lập nhóm công tác liên ngành cấp xã, phường	175	75	100	0
	- Thành lập 02 CLB trẻ em	250	200	50	0
	- Tổ chức các hoạt động cung cấp và kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em: Tham vấn, tư vấn, trị liệu phục hồi tâm lý, trợ giúp TECHCDB tiếp cận các dịch vụ y tế, xã hội ...	650	500	150	0
<b>4</b>	- Tập huấn kỹ năng làm cha mẹ cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ về bảo vệ trẻ em	350	200	0	150
	- Tập huấn kỹ năng sống cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhằm nâng cao kỹ năng tự bảo vệ mình cho trẻ	300	200	0	100
	- Duy trì hoạt động của Trung tâm CTXH Trẻ em	6.750	5.000	1.000	750
	<b>Đề án 4:</b>	<b>10.450</b>	<b>7.500</b>	<b>2.750</b>	<b>200</b>
	<i>Mô hình 1</i>	3.750	3.000	750	0
	- Tổ chức triển khai mô hình gia đình chăm sóc thay thế cho trẻ em mồ côi, bị bỏ rơi.	150	100	50	0
	- Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng cần thiết hoà nhập cộng đồng cho TEKT	250	250	0	0
- Tổ chức hướng nghiệp, dạy nghề cho TEKT còn khả năng lao động và có nhu cầu học nghề	225	150	75	0	

	- Hỗ trợ các em đã qua học nghề tự tạo việc làm phù hợp	650	500	150	0
	- Duy trì các điểm PHCN tại cộng đồng cho TEKT	1.450	1.250	200	0
	- Tổ chức các hoạt động : Tham vấn, tư vấn, trợ giúp khó khăn và các phúc lợi xã hội khác dành cho trẻ em.	325	250	75	0
	- Tổ chức tập huấn cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em những kiến thức cần thiết trước khi nhận nuôi trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật	0	0	0	0
	- Kinh phí hành chính quản lý cho 02 quận, 6 phường	700	500	200	0
	<i>Mô hình 2</i>	3.500	2.500	1.000	0
	- Tổ chức tập huấn kỹ năng sống cho trẻ em nguy cơ lang thang, lao động nặng nhọc	250	250	0	0
	- Tổ chức tư vấn tại cộng đồng cho nhóm cha mẹ, trẻ em có nguy cơ lang thang, lao động nặng nhọc.	350	250	100	0
	- Hỗ trợ học nghề cho trẻ có nguy cơ lang thang, lao động nặng nhọc	450	250	200	0
	- Hỗ trợ dụng cụ học tập, phương tiện đi lại cho trẻ có nguy cơ lang thang, lao động nặng nhọc.	400	250	150	0
	- Hỗ trợ giải quyết khó khăn trước mắt cho trẻ có nguy cơ lang thang, lao động nặng nhọc.	500	250	250	0
	- Hỗ trợ vốn phát triển kinh tế gia đình có trẻ em lang thang, nguy cơ lang thang, lao động nặng nhọc.	700	500	200	0
	- Kết nối các dịch vụ bảo vệ trẻ em khi cần thiết: Tư vấn, tham vấn, trợ giúp	600	500	100	0

	- Khác: Nhu cầu phát sinh trong thực tế	250	250	0	0
	<i>Mô hình thứ ba:</i>	3.200	2.000	1.000	200
	- Xây dựng CLB trợ giúp người chưa thành niên vi phạm pháp luật.	350	250	100	0
	- Duy trì hoạt động của CLB người chưa thành niên.	275	125	100	50
	- Tổ chức các buổi sinh hoạt, giao lưu cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật giúp các em hoà nhập cộng đồng.	400	300	100	0
	- Tổ chức tập huấn kỹ năng sống cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật.	350	200	50	100
	- Tổ chức tập huấn cho cha mẹ, cộng đồng về kỹ năng bảo vệ trẻ em.	250	150	50	50
	- Tổ chức hướng nghiệp, dạy nghề cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật.	375	275	100	0
	- Hỗ trợ học nghề cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật.	500	300	200	0
	- Hỗ trợ vốn cho người chưa thành niên tự tạo việc làm sau khi học xong nghề.	500	300	200	0
	- Chi phí quản lý	200	100	100	0
<b>5</b>	<b>Đề án 5</b>	<b>2.800</b>	<b>1.000</b>	<b>1.500</b>	<b>300</b>
	- Hội thảo đánh giá tổng quan về tình hình thực hiện Luật BVCSTE.	350	100	150	100
	- Tổ chức rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến BVCSTE.	200	50	150	0

	- Thông nhất bộ chỉ số về Quyền trẻ em với các số, ngành, đoàn thể, địa phương.	150	50	100		0
	- Xây dựng phần mềm quản lý số liệu BVCSTE.	250	100	150		0
	- Tổ chức tập huấn cho CB xã, phường về thu thập thông tin, đánh giá kết quả công tác BVCSTE theo hệ thống chỉ số đánh giá, giám sát thực hiện QTE.	450	100	250		100
	- Tổ chức đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ Chương trình BVTE giai đoạn 2011-2015.	600	250	250		100
	- Tổ chức các đợt giám sát, đánh giá tại quận, huyện, xã, phường.	500	250	250		0
	- Các hoạt động khác	300	100	200		0
	<b>Tổng cộng 5 đề án</b>	<b>35.450</b>	<b>18.000</b>	<b>15.450</b>		<b>2.000</b>

**Bảng 2**  
**Nhu cầu kinh phí chia theo năm và nguồn**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	<b>Kinh phí</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>
<b>Đề án 1</b>	<b>4.150</b>	<b>830</b>	<b>830</b>	<b>830</b>	<b>830</b>	<b>830</b>
<i>TW</i>	<b>500</b>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
<i>TP</i>	<b>3.150</b>	<i>630</i>	<i>630</i>	<i>630</i>	<i>630</i>	<i>630</i>
<i>VĐ</i>	<b>500</b>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
<b>Đề án 2</b>	<b>6.000</b>	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>
<i>TW</i>	<b>1.500</b>	<i>300</i>	<i>300</i>	<i>300</i>	<i>300</i>	<i>300</i>
<i>TP</i>	<b>4.500</b>	<i>900</i>	<i>900</i>	<i>900</i>	<i>900</i>	<i>900</i>
<b>Đề án 3</b>	<b>12.050</b>	<b>2.300</b>	<b>2.300</b>	<b>2.300</b>	<b>2.450</b>	<b>2.700</b>
<i>TW</i>	<b>7.500</b>	<i>1.500</i>	<i>1.500</i>	<i>1.500</i>	<i>1.500</i>	<i>1.500</i>
<i>TP</i>	<b>3.550</b>	<i>600</i>	<i>600</i>	<i>600</i>	<i>750</i>	<i>1.000</i>
<i>VĐ</i>	<b>1.000</b>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>200</i>
<b>Đề án 4</b>	<b>10.450</b>	<b>2.090</b>	<b>2.090</b>	<b>2.090</b>	<b>2.090</b>	<b>2.090</b>
<i>TW</i>	<b>7.500</b>	<i>1.500</i>	<i>1.500</i>	<i>1.500</i>	<i>1.500</i>	<i>1.500</i>
<i>TP</i>	<b>2.750</b>	<i>550</i>	<i>550</i>	<i>550</i>	<i>550</i>	<i>550</i>
<i>VĐ</i>	<b>200</b>	<i>40</i>	<i>40</i>	<i>40</i>	<i>40</i>	<i>40</i>
<b>Đề án 5</b>	<b>2.800</b>	<b>560</b>	<b>560</b>	<b>560</b>	<b>560</b>	<b>560</b>
<i>TW</i>	<b>1.000</b>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>200</i>
<i>TP</i>	<b>1.500</b>	<i>300</i>	<i>300</i>	<i>300</i>	<i>300</i>	<i>300</i>
<i>VĐ</i>	<b>300</b>	<i>60</i>	<i>60</i>	<i>60</i>	<i>60</i>	<i>60</i>
<b>Tổng KP 5 năm</b>		<b>6.980</b>	<b>6.980</b>	<b>6.980</b>	<b>7.130</b>	<b>7.380</b>
	<i>TW</i>	<i>3.600</i>	<i>3.600</i>	<i>3.600</i>	<i>3.600</i>	<i>3.600</i>
	<i>TP</i>	<i>2.980</i>	<i>2.980</i>	<i>2.980</i>	<i>3.130</i>	<i>3.380</i>
	<i>VĐ</i>	<i>400</i>	<i>400</i>	<i>400</i>	<i>400</i>	<i>400</i>